

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2022/DS-ST**

Ngày: 30/9/2022

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Thái và ông Vũ Văn Hợp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều, kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2022/TLST - DS ngày 17 tháng 06 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65A/2022/QĐXXST - DS ngày 25/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2022/QĐST - DS ngày 14/9/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **NN**

Trụ sở chính: Số 02 LH, phường TC, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, Chức vụ: *Tổng giám đốc.*

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Minh T1, Chức vụ: *Giám đốc NN Chi nhánh Kiên Giang II (Theo quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc NN).*

Người được ông Tấn ủy quyền lại: Ông Đặng Thanh H, sinh năm: 1977, chức vụ: *Phó Giám đốc NN - Chi nhánh Kiên Giang II (Theo quyết định ủy quyền số 313/QĐ-NHNo-KGII-TH ngày 17/6/2022 của Giám đốc NN - Chi nhánh Kiên Giang II).*

Địa chỉ chi nhánh: Số 784 khu phố MA, thị trấn ML, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Ông **Trần Minh T**, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ 12, khu phố MP, thị trấn ML, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. (*Vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện NN ông **Đặng Thanh H** trình bày và tại phiên tòa yêu cầu như sau:

Vào ngày 08/5/2019, NN Chi nhánh huyện Châu Thành (nay là Chi nhánh Kiên Giang II) có ký kết Hợp đồng tín dụng số 7790-LAV-201901343 với ông Trần Minh T với số tiền vay gốc là 600.000.000 đồng, số tiền vay ông T sử dụng vào mục đích gia đình/cá nhân. Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn vay 12 tháng (đến ngày 07/5/2020).

Về lãi suất: Phương thức áp dụng lãi suất điều chỉnh; Lãi tại thời điểm vay là 10.5%/năm; vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của NN Chi nhánh Kiên Giang cộng phí cố định (vay ngắn hạn 3,5%/năm – trung hạn 4,5%/năm – dài hạn 5,5%/năm). Thời hạn trả lãi: 03 tháng/lần (07/8/2019, 07/11/2019, 07/02/2020). Lãi suất trong hạn là 10.5%/năm, quá hạn bằng 150%/năm x lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm khoản tiền vay, ông T đã thế chấp các tài sản cho NN Chi nhánh Kiên Giang II như sau:

1/ Tàu cá số KG-94715-TS, nhãn hiệu HINI V22C, số máy A-30510, công suất 420, công dụng dịch vụ hậu cần nghề cá, nơi đóng Rạch Giá – Kiên Giang, mẫu thiết kế KG1503-80HC, cơ quan thiết kế Công ty TNHH Hoài Nam, vật liệu gỗ - Cerment, tổng dung tích 76.97, sức chở tối đa 51.99... do ông Trần Minh T đứng tên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 7709-LCL-201901519 ngày 08/5/2019

2/ Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU339655 được UBND huyện Châu Thành cấp ngày 10/10/2014 do ông Trần Minh T đứng tên, diện tích 176.00m², thửa số 176, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại khu phố MP, thị trấn ML, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 7709-LCL-201901520 ngày 08/5/2019.

Sau khi NN Chi nhánh Kiên Giang II giải ngân số tiền vay cho ông T đến nay, ông T không thực hiện việc trả nợ như đã thỏa thuận, dẫn đến nợ quá hạn, nợ xấu. Tính đến nay, ông T còn nợ NN số tiền vay gốc là 600.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 30/9/2022 là 118.776.575 đồng. NN Chi nhánh Kiên Giang II đã tạo

mọi điều kiện cho ông T để có thời gian trả nợ nhưng đến nay ông T vẫn không thực hiện được.

Tại phiên tòa: Ông H (*đại diện NN Chi nhánh Kiên Giang II*) yêu cầu ông Trần Minh T thanh toán cho NN tổng số tiền 718.776.575 đồng (*gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/9/2022 là 118.776.575 đồng*) và lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2022 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T trả hết nợ cho NN Chi nhánh Kiên Giang II. Nếu ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu Tòa án xử lý các tài sản mà ông T đã thế chấp để thu hồi nợ cho NN.

** Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Minh T vắng mặt, không có lời trình bày.*

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay, phía bị đơn ông Trần Minh T không tham gia các phiên họp, phiên tòa sơ thẩm theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NN, buộc ông Trần Minh T phải trả nợ theo yêu cầu của NN và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (NN) về việc buộc bị đơn (ông Trần Minh T có nơi cư trú tại tổ 12, khu phố MP, thị trấn ML, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang) thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông T không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ. HĐXX xét thấy, việc vắng mặt của ông T không vì sự kiện bất khả kháng hay do điều kiện khác quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Vào ngày 08/5/2019, NN Chi nhánh huyện Châu Thành (nay là Chi nhánh Kiên Giang II) có ký kết Hợp đồng tín dụng số 7790-LAV-201901343 với ông Trần Minh T với số tiền vay gốc là 600.000.000 đồng, số tiền vay ông T sử dụng vào mục đích gia đình/cá nhân. Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn vay 12 tháng (đến ngày 07/5/2020), hợp đồng có thỏa thuận lãi suất và để bảo đảm khoản tiền vay, ông T đã thế chấp các tài sản cho NN Chi nhánh Kiên Giang II theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 7709-LCL-201901519 ngày 08/5/2019 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 7709-LCL-201901520 ngày 08/5/2019. Sau khi NN Chi nhánh Kiên Giang II giải ngân số tiền vay cho ông T đến nay, ông T không thực hiện việc trả nợ như đã thỏa thuận, dẫn đến nợ quá hạn, nợ xấu. NN Chi nhánh Kiên Giang II đã tạo mọi điều kiện cho ông T để có thời gian trả nợ nhưng đến nay ông T vẫn không thực hiện được nên NN khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền vay gốc còn nợ và tiền lãi phát sinh cho NN.

2.1 HĐXX xét thấy, lời trình bày và yêu cầu của đại diện NN tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp với nhau. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ cho thấy, giữa NN và ông Trần Minh T có ký kết Hợp đồng tín dụng số 7709-LAV-201901343 ngày 08/5/2019 để ông T vay vốn với số tiền gốc là 600.000.000 đồng và để đảm bảo cho khoản vay, 02 bên đã ký kết 02 hợp đồng thế chấp cụ thể là Hợp đồng thế chấp tài sản số 7709-LCL-201901519 ngày 08/5/2019 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 7709-LCL-201901520 ngày 08/5/2019, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho NN. Tính đến ngày 30/9/2022, ông T còn nợ NN tổng số tiền 718.776.575 đồng, trong đó số tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi là 118.776.575 đồng là có thật.

2.2 Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các Thông báo nêu rõ yêu cầu của NN đến ông Trần Minh T được biết nhưng đến nay ông T không gửi ý kiến của ông đối với yêu cầu của NN và tại phiên tòa ông T vắng mặt không có lời trình bày nên HĐXX không có cơ sở để xem xét ý kiến của ông T. Do đó, HĐXX căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 BLTTDS để giải quyết vụ án.

Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NN. Buộc ông Trần Minh T trả cho NN số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2022 là 718.776.575 đồng (*Trong đó: Tiền gốc 600.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 75.962.466 đồng và tiền lãi quá hạn 42.814.110 đồng*) sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, ông T tiếp tục thanh

Bản án số 67/2022/DS – ST ngày 30/9/2022 (NN - Tâm)

toán số tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng đã ký kết từ ngày 01/10/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ cho NN.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Trần Minh T phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho NN [718.776.575 đồng = 20.000.000 đồng + (318.776.575 đồng x 4%)] là 32.751.063 đồng.

- Do yêu cầu của NN được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí mà NN đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc ông Trần Minh T trả cho NN tổng số tiền gốc và tiền lãi (*tạm tính đến ngày 30/9/2022*) là 718.776.575 đồng (*Bảy trăm mười tám triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng*) sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, ông T tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 01/10/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ cho NN.

Trường hợp ông Trần Minh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi án có hiệu lực thì NN có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên bán đấu giá tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 7709-LCL-201901519 ngày 08/5/2019 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 7709-LCL-201901520 ngày 08/5/2019 để đảm bảo thu hồi nợ cho NN, cụ thể như sau:

- Tàu cá số KG-94715-TS, nhãn hiệu HINI V22C, số máy A-30510, công suất 420, công dụng dịch vụ hậu cần nghề cá, nơi đóng Rạch Giá – Kiên Giang, mẫu thiết kế KG1503-80HC, cơ quan thiết kế Công ty TNHH Hoài Nam, vật liệu gỗ - Cerment, tổng dung tích 76.97, sức chở tối đa 51.99... do ông Trần Minh T đứng tên.

- Quyền sử dụng đất theo giấy CNQSD đất số BU339655 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 10/10/2014 do ông Trần Minh T đứng tên, diện tích

176.00m², thửa số 176, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại khu phố MP, thị trấn ML, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc ông Trần Minh T phải chịu án phí là 32.751.063 đồng (*Ba mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn, không trăm sáu mươi ba đồng*).

- Hoàn trả lại cho NN số tiền tạm ứng án phí là 15.800.000 đồng (*Mười lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 30/9/2022*).

Ông Trần Minh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh